

CÔNG TY CỔ PHẦN COMA 18

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Coma 18 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Coma 18 (gọi tắt "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2102/QĐ-BXD ngày 11/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 21/12/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236860 ngày 21/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 20 ngày 27/07/2017

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: CIG

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty tại Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đức Huế	Chủ tịch HĐQT
	Ông Lê Huy Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 12/7/2017)
	Ông Đỗ Quang Khuê	Thành viên
	Ông Trần Đức Minh	Thành viên
	Ông Bùi Quang Đông	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Văn phòng Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Đỗ Quang Khuê	Tổng Giám đốc (Từ ngày 12/07/2017)
	Ông Lê Huy Lâm	Tổng Giám đốc (Đến ngày 12/07/2017)
	Ông Lê Thiết Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 01/7/2017)
	Ông Bùi Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/03/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty để Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đỗ Quang Khuê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Số: 650/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần COMA18**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần COMA18, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Văn phòng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Số dư tại ngày 30/06/2017 của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại dự án Westa là 263,2 tỷ đồng (tại thuyết minh 5.6), hiện dự án này chưa được quyết toán vốn đầu tư và xác định phương án kinh doanh cho phần tài sản của chủ đầu tư của dự án nên việc xác định doanh thu còn được thu hồi và lãi lỗ của dự án chưa được xác định. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 của Văn phòng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2017/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/01/2017 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		384.984.065.987	561.103.959.619
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.782.310.206	1.875.203.951
1. Tiền	111		1.782.310.206	1.875.203.951
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.466.933.441	270.227.818.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	23.813.435.456	25.149.155.889
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	3.553.579.571	2.965.308.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		32.780.492.414	35.785.239.532
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	33.669.241.699	211.677.930.805
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.349.815.699)	(5.349.815.699)
IV. Hàng tồn kho	140		290.138.639.930	285.620.804.209
1. Hàng tồn kho	141	5.6	290.138.639.930	285.620.804.209
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.596.182.410	3.380.132.861
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.090.134.278	3.272.477.916
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.506.048.132	107.654.945
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		231.596.187.195	46.698.932.252
II. Tài sản cố định	220		16.673.992.277	21.225.431.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	16.673.992.277	21.225.431.227
- Nguyên giá	222		27.647.221.266	44.450.683.829
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.973.228.989)	(23.225.252.602)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		675.000.000	675.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(675.000.000)	(675.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	19.744.115.363	24.100.272.127
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		13.935.699.176	13.901.490.452
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.808.416.187	10.198.781.675
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	194.500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		195.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(500.000.000)	(500.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		678.079.555	873.228.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	678.079.555	873.228.898
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		616.580.253.182	607.802.891.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		401.926.297.373	393.396.614.045
I. Nợ ngắn hạn	310		306.529.303.538	297.852.637.082
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	80.451.036.271	81.205.141.188
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	41.307.369.384	41.927.422.454
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	29.556.112.879	30.669.934.829
4. Phải trả người lao động	314		(453.638.582)	279.963.559
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	6.150.375.912	6.150.375.912
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		(912.389.115)	(2.381.292.463)
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	103.556.367.495	96.626.040.492
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	47.628.279.113	43.511.030.434
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(754.209.819)	(135.979.323)
II. Nợ dài hạn	330		95.396.993.835	95.543.976.963
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	95.396.993.835	95.543.976.963
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		214.653.955.809	214.406.277.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	214.653.955.809	214.406.277.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		315.399.470.000	315.399.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		315.399.470.000	315.399.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.584.000.000	7.584.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.562.992.494	2.562.992.494
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(119.254.270.685)	(119.502.488.668)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(119.535.192.668)	(121.052.183.215)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		280.921.983	1.549.694.547
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		8.361.764.000	8.362.304.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		616.580.253.182	607.802.891.871

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập



Đinh Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bình

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Khuê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	15.757.459.102	24.014.475.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		15.757.459.102	24.014.475.063
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	10.338.721.394	15.215.933.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.418.737.708	8.798.541.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	3.789.947	520.651.323
7. Chi phí tài chính	22	5.21	213.156.653	160.116.983
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		213.156.653	160.116.983
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	18.200.000	148.500.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	3.807.954.819	7.568.828.623
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.383.216.183	1.441.747.576
11. Thu nhập khác	31		2.434.205.254	1.050.356.060
12. Chi phí khác	32		3.536.499.454	1.792.195.917
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(1.102.294.200)	(741.839.857)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		280.921.983	699.907.719
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		280.921.983	699.907.719

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập



Đinh Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bình

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Khuê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		280.921.983	699.907.719
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		699.281.849	966.220.612
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.789.947	103.294.323
- Chi phí lãi vay	06		213.156.653	160.116.983
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.197.150.432	1.929.539.637
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		181.943.228.795	12.143.614.357
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.552.044.445)	(12.113.229.433)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.357.714.385	(10.218.755.106)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		195.149.343	(83.798.662)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(213.156.653)	(160.116.983)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		192.728.041.857	(8.502.746.190)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.076.848.770)	(639.831.237)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.281.857.670	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(194.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.789.947	103.294.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(196.791.201.153)	(536.536.914)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.274.870.000	10.850.360.470
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(304.604.449)	(2.905.298.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.970.265.551	7.945.061.542
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(92.893.745)	(1.094.221.562)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.875.203.951	6.036.250.215
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.782.310.206	4.942.028.653

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập



Đinh Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bình

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Khuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Coma 18 (gọi tắt “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2102/QĐ-BXD ngày 11/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 21/12/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236860 ngày 21/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 20 ngày 27/07/2017.

Tên viết tắt là: CIG

Văn phòng Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Mã cổ phiếu: CIG

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty tại: Số 135 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bến cảng, công trình kiến trúc hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- Xây dựng cầu cảng, bến cảng, đê điều, cầu cống; Vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Bán buôn đồ uống; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Kinh doanh bãi đỗ xe tĩnh (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế kiến trúc và thiết kế quy hoạch các công trình xây dựng. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán); Đào tạo dạy nghề: điện, điện tử, tin học; Đào tạo đại học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xử lý chất thải (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật); Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật); Kinh doanh xăng dầu; Khai thác, kinh doanh nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Kinh doanh vận tải đường bộ.
- Tư vấn đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án xây dựng (chỉ thiết kế và giám sát trong phạm vi các thiết kế và giám sát đã đăng ký kinh doanh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh thương mại chỉ gồm có các ngành nghề sau: nguyên vật liệu phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp; nguyên phụ liệu, phục vụ mạ kẽm nhúng nóng; máy móc thiết bị công nghiệp, máy động lực, máy thi công; các dây chuyền sản xuất công nghiệp; Đào tạo nghề cơ khí, lái xe.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; Kinh doanh dịch vụ du lịch như: kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn du lịch, kinh doanh các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Lắp ráp sửa chữa ô tô các loại; Lắp đặt máy móc thiết bị và chuyển giao công nghệ cơ khí động lực, điện lực và điện tử; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị nâng hạ, cột Viba; Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị và công nghệ;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, chế tạo cơ khí, thiết bị vật liệu và phụ kiện, gia công cấu kiện bê tông phục vụ các ngành điện, xây dựng và công nghiệp khác.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô .

Hoạt động chính của Văn phòng Công ty trong kỳ là Đầu tư Xây dựng Dự án kinh doanh Bất động sản và Cung cấp hàng hóa dịch vụ.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Văn phòng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	6 tháng đầu năm 2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

TSCĐ vô hình là Giá trị thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước các công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác(Tiếp theo)

Doanh thu bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.145.622.507	660.569.259
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	636.687.699	1.214.634.692
Tổng	1.782.310.206	1.875.203.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	23.813.435.456	25.149.155.889
Công ty TNHH Phát triển Bắc Việt	2.137.010.000	2.437.010.000
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp	2.806.185.616	2.799.348.455
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	1.108.960.031	1.653.314.119
Đội Xây dựng Giao thông Thủy lợi	1.700.388.902	1.700.388.902
BQL Dự án CT 17	-	1.380.643.602
Các khoản phải thu khác của khách hàng	12.608.761.907	11.726.321.811
Tổng	23.813.435.456	25.149.155.889

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.553.579.571	2.965.308.071
Công ty Công ty Thép Tường Minh	438.500.000	438.500.000
Công ty TNHH XD và Thương mại Thịnh An	218.000.000	218.000.000
VP Tư vấn & Chuyển giao Công nghệ XD	391.879.000	391.879.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	2.505.200.571	1.916.929.071
Tổng	3.553.579.571	2.965.308.071

5.4 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	33.669.241.699		211.677.930.805	
Tạm ứng	20.421.860.701	-	198.900.959.124	-
Trong đó:				
Ông Đỗ Quang Khuê - Thành viên HĐQT, Giám đốc Ban quản lý	-	-	95.000.000.000	-
Ông Trần Đức Minh - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Ban quản lý	-	-	86.000.000.000	-
Tạm ứng cho các đối tượng khác	-	-	17.900.959.124	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	393.120.000	-	-	-
Ông Hữu - Chi nhánh TP HCM	9.342.968.444	-	9.342.968.444	-
Ông Bình - Chi nhánh Hưng Yên	741.308.931	-	741.308.931	-
Trung tâm Tư vấn & PT các dự án	666.959.891	-	666.959.891	-
Phải thu khác	2.103.023.732	-	2.025.734.415	-
Tổng	33.669.241.699	-	211.677.930.805	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5 NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Tổng giá trị các khoản phải thu, tạm ứng và phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	32.659.261.156	23.908.667.653	30.958.872.254	25.609.056.555

(*): Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ quá hạn bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

5.6 HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	323.702.999	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	290.138.639.930	-	285.297.101.210	-
Tổng	290.138.639.930	-	285.620.804.209	-

(*): Trong đó số dư chi phí sản xuất kinh doanh dự án tòa nhà Westa tại thời điểm 30/06/2017 là:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án: Toà nhà cao cấp WESTA	263.212.099.892	256.304.202.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	21.755.668.598	15.565.706.525	6.752.633.454	376.675.252	44.450.683.829
Tăng trong kỳ	598.711.610	932.326.774	1.155.444.898	-	2.686.483.282
Mua trong năm	598.711.610	-	-	-	598.711.610
Chuyển từ CN Thanh Oai về	-	43.916.657	-	-	43.916.657
Phân loại lại TSCĐ	-	888.410.117	1.155.444.898	-	2.043.855.015
Giảm trong kỳ	907.325.764	14.228.329.289	4.354.290.792	-	19.489.945.845
Thanh lý, nhượng bán	-	14.228.329.289	4.354.290.792	-	18.582.620.081
Phân loại lại TSCĐ	888.410.117	-	-	-	888.410.117
Giảm khác	18.915.647	-	-	-	18.915.647
Số dư tại 30/06/2017	21.447.054.444	2.269.704.010	3.553.787.560	376.675.252	27.647.221.266
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	4.734.773.477	11.795.986.049	6.389.035.323	305.457.753	23.225.252.602
Tăng trong kỳ	699.281.849	-	-	2.078.598	701.360.447
Khấu hao trong kỳ	699.281.849	-	-	-	699.281.849
Phân loại lại	-	-	-	2.078.598	2.078.598
Giảm trong kỳ	-	9.831.572.122	3.121.811.938	-	12.953.384.060
Thanh lý, nhượng bán	-	9.831.572.122	3.119.733.340	-	12.951.305.462
Phân loại lại	-	-	2.078.598	-	2.078.598
Số dư tại 30/06/2017	5.434.055.326	1.964.413.927	3.267.223.385	307.536.351	10.973.228.989
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	17.020.895.121	3.769.720.476	363.598.131	71.217.499	21.225.431.227
Tại 30/06/2017	16.012.999.118	305.290.083	286.564.175	69.138.901	16.673.992.277

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 3.704.398.878 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 8.936.039.437 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	13.935.699.176	13.935.699.176	13.901.490.452	13.901.490.452
Dự án KCN Nhuận Trạch - Hòa Bình	3.310.534.255	3.310.534.255	3.310.534.255	3.310.534.255
Dự án KCN Kim Thành - Hải Dương	2.501.724.053	2.501.724.053	2.467.515.329	2.467.515.329
Dự án Đô thị Nam Dương - Đà Nẵng	8.123.440.868	8.123.440.868	8.123.440.868	8.123.440.868
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.808.416.187	5.808.416.187	10.198.781.675	10.198.781.675
Xưởng duy tu máy móc thiết bị - CN Thanh Oai	5.808.416.187	5.808.416.187	10.198.781.675	10.198.781.675
Tổng	19.744.115.363	19.744.115.363	24.100.272.127	24.100.272.127

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn	678.079.555	873.228.898
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	144.371.593	206.093.945
Tiền thuê đất 50 năm tại Bích Hòa	533.707.962	667.134.953
Tổng	678.079.555	873.228.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Comare	1.000.000.000	500.000.000	(500.000.000)	#####	500.000.000	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Kinh Đô (1)	181.000.000.000	181.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi Yên Sơn (2)	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	195.000.000.000	194.500.000.000	(500.000.000)	1.000.000.000	500.000.000	(500.000.000)

- (1): Theo Hợp đồng tác số 01/2017/COMA18 - KINHDO ngày 12/6/2017 về việc: Hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Kim Thành giữa Công ty Cổ phần COMA18 (bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Kinh Đô (bên B); giá trị Hợp đồng của Dự án là: 1.138.837.013.198 đồng, các bên thống nhất phân kỳ đầu tư theo 02 giai đoạn:
 Giai đoạn 1: Vốn đầu tư 603.334.000.000 đồng, với trách nhiệm của các bên như sau:
 Bên A góp 30% vốn đầu tư, tương ứng với số tiền 181.000.000.000 đồng vào Dự án để làm vốn đối ứng vay ngân hàng;
 Bên B có trách nhiệm sắp xếp và vay vốn Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác đối với phần vốn còn lại để triển khai thực hiện Dự án.
 Giai đoạn 2: Các Bên có trách nhiệm sắp xếp vốn (vốn vay tín dụng, vốn khác) để triển khai Dự án theo đúng tiến độ được phê duyệt và nhu cầu của Dự án.
 Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Hai bên ký Hợp đồng này, Bên A có nghĩa vụ chuyển phần vốn góp giai đoạn 1 vào tài khoản Dự án để Bên B làm vốn đối ứng sắp xếp vay vốn Ngân hàng. Tài khoản Dự án do Bên B – là đại diện Liên danh mở và đứng tên. Tài khoản Dự án chỉ được sử dụng để phục vụ riêng ch Dự án, trừ trường hợp Các bên có thỏa thuận khác.
 Phân chia lợi nhuận và rủi ro: Hai bên thống nhất cùng nhau phân chia lợi nhuận và rủi ro của Dự án theo tỷ lệ vốn góp thực tế sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng và hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước.
- (2): Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 18/5/2017, về việc: Thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi Yên Sơn, vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng trong đó gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế và Xây dựng Việt Nam (bên A) góp 70%, Công ty TNHH Đầu tư Quý Hải Phát (bên B) góp 10% và Công ty Cổ phần COMA18 (bên C) góp 20%. Tổng mức đầu tư dự án khoảng 470.900.000.000 đồng;

Theo Hợp đồng tác số 55/2016/HĐHT/VIDEC-QHP-COMA18 ngày 05/9/2016 về việc: Thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Hùng Lợi 1 và Hùng Lợi 2 giữa các bên: Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế và Xây dựng Việt Nam (bên A), Công ty TNHH Đầu tư Quý Hải Phát (bên B) và Công ty Cổ phần COMA18 (bên C); Ba bên thống nhất cả Ba Bên cùng giữ vai trò Chủ đầu tư của Dự án với tên gọi: Liên doanh Chủ đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế và Xây dựng Việt Nam, Công ty TNHH Đầu tư Quý Hải Phát và Công ty Cổ phần COMA18. Trong đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế và Xây dựng Việt Nam là Đại diện Liên danh để trực tiếp giao dịch, ký kết, giải quyết mọi thủ tục liên quan đến Dự án và chịu trách nhiệm chính trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về công tác thực hiện Dự án; Phương thức góp vốn sẽ được các Bên thỏa thuận cụ thể bằng văn bản sau khi Liên doanh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án; Phân chia lợi nhuận và rút vốn: Lợi nhuận được xác định sau khi các Bên đã hoàn tất việc quyết toán các chi phí của Dự án và sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế có liên quan với Nhà nước. Lợi nhuận này được chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn cụ thể, các khoản lỗ (nếu có) cũng sẽ được phân chia cho các Bên theo tỷ lệ góp vốn tương ứng, Các bên không được phép rút vốn thực hiện Dự án, trừ trường hợp được các bên còn lại cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	80.451.036.271	80.451.036.271	81.205.141.188	81.205.141.188
Tổng Công ty 36	54.360.594.804	54.360.594.804	54.360.594.804	54.360.594.804
Công ty TNHH HAWEE Cơ điện	3.182.228.886	3.182.228.886	3.182.228.886	3.182.228.886
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Phụ phí	3.383.309.842	3.383.309.842	3.383.309.842	3.383.309.842
Công ty TNHH Sản xuất TM Việt Pháp	1.587.390.471	1.587.390.471	1.587.390.471	1.587.390.471
Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	1.631.452.235	1.631.452.235	1.636.832.235	1.636.832.235
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	1.096.254.131	1.096.254.131	1.096.254.131	1.096.254.131
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật	1.830.803.411	1.830.803.411	1.830.803.411	1.830.803.411
Công ty Đầu tư XD và XNK Việt Nam	1.061.709.000	1.061.709.000	1.061.709.000	1.061.709.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Lê Nguyễn	1.176.653.936	1.176.653.936	1.185.173.811	1.185.173.811
Phải trả các đối tượng khác	11.140.639.555	11.140.639.555	11.880.844.597	11.880.844.597
Tổng	80.451.036.271	80.451.036.271	81.205.141.188	81.205.141.188

5.12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	41.307.369.384	41.927.422.454
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công trình Hội nghị Quốc Gia	1.122.405.509	1.122.405.509
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công trình Fomosa	2.208.066.065	2.203.495.524
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Bù trừ vốn Nhà nước tiền mua các căn hộ Westa	9.056.085.889	9.056.085.889
Công ty Cổ phần Đầu tư FIDEL	4.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình (TEKCAST)	100	3.757.298.399
Khách hàng ứng trước tiền mua các căn hộ Westa	21.016.669.903	22.760.776.685
Người mua trả tiền trước khác	3.104.141.918	3.027.360.448
Tổng	41.307.369.384	41.927.422.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	-	1.603.767.749	1.603.767.749	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.673.251.868	-	200.000.000	4.473.251.868
Thuế thu nhập cá nhân	14.905.318	-	-	14.905.318
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	913.821.950	260.433.379	1.174.255.329	-
Các loại thuế khác	25.067.955.693	4.000.000	4.000.000	25.067.955.693
Tổng	30.669.934.829	1.868.201.128	2.982.023.078	29.556.112.879

5.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí các công trình	6.150.375.912	6.150.375.912
Tổng	6.150.375.912	6.150.375.912

5.15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	103.556.367.495	96.626.040.492
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	-	61.126.575
- Kinh phí công đoàn;	362.327.607	327.328.207
- Bảo hiểm xã hội;	42.624.377	1.530.243.106
- Bảo hiểm y tế;	76.851.052	650.002.701
- Bảo hiểm thất nghiệp;	141.980.995	682.633.189
- Phải trả về cổ phần hoá;	5.526.451.811	5.526.451.811
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	456.327.071	456.327.071
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	96.949.804.582	87.331.927.832
<i>Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại Chúng</i>	<i>61.345.464.681</i>	<i>54.565.292.163</i>
<i>- Chi nhánh Thăng Long</i>		
<i>Tiền đặt cọc sửa nhà tại dự án Westa</i>	<i>420.000.000</i>	<i>660.000.000</i>
<i>Tiền vay phải trả Công ty CP COMA ĐTP</i>	<i>2.986.534.803</i>	<i>3.151.459.333</i>
<i>Khu đô thị Công Nghiệp UID</i>		
<i>Tổng công ty Cơ khí Xây dựng tiền lãi vay</i>	<i>10.229.532.090</i>	<i>10.229.532.090</i>
<i>Phí bảo trì phải trả dự án Westa</i>	<i>8.430.617.822</i>	<i>8.369.491.247</i>
<i>Tiền vay và lãi vay cá nhân phải trả</i>	<i>2.603.303.288</i>	<i>2.414.372.617</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>10.934.351.898</i>	<i>7.941.780.382</i>
Tổng	103.556.367.495	96.626.040.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	47.628.279.113	47.628.279.113	4.274.870.000	157.621.321	43.511.030.434	43.511.030.434
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế và Xây dựng Việt Nam	8.174.870.000	8.174.870.000	4.274.870.000	-	3.900.000.000	3.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng - Chi nhánh Thăng Long	36.935.000.000	36.935.000.000	-	-	36.935.000.000	36.935.000.000
Vay cá nhân (1)	2.518.409.113	2.518.409.113	-	157.621.321	2.676.030.434	2.676.030.434
Vay dài hạn	95.396.993.835	95.396.993.835	-	146.983.128	95.543.976.963	95.543.976.963
Ngân hàng TMCP Đại chúng - Chi nhánh Thăng Long (2)	90.286.000.000	90.286.000.000	-	-	90.286.000.000	90.286.000.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội (3)	1.761.386.716	1.761.386.716	-	146.983.128	1.908.369.844	1.908.369.844
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	3.349.607.119	3.349.607.119	-	-	3.349.607.119	3.349.607.119
Tổng	143.025.272.948	143.025.272.948	4.274.870.000	304.604.449	139.055.007.397	139.055.007.397

- (1) Vay cá nhân trong Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm.
- (2) Hợp đồng vay dài hạn Tổng Công ty Tài chính - Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng - Chi nhánh Thăng Long) với Công ty Cổ phần Coma 18 theo số Hợp đồng 20/HĐTĐ-DH/180609 PVFCTL-COMA 18, số tiền vay 201.000.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng theo lãi suất 10,6%/năm. Mục đích khoản vay phục vụ thi công Dự án tòa nhà Westa.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 18/ HĐTĐ. QMT- TD ngày 30/11/2015, Mục đích vay vốn: Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600m³ ngày đêm tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, Thời hạn cho vay : 07 năm, tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả nợ, Lãi suất cho vay: 0,45%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	134.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	6.908.764.000	(121.187.688.025)	30.267.538.469
Tăng trong năm	181.000.000.000	-	-	1.453.540.000	1.849.458.275	184.302.998.275
Tăng khác	-	-	-	1.453.540.000	299.763.728	1.753.303.728
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.549.694.547	1.549.694.547
Tăng vốn	181.000.000.000	-	-	-	-	181.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	164.258.918	164.258.918
Lương HĐQT và BKS	-	-	-	-	45.200.000	45.200.000
Giảm khác	-	-	-	-	119.058.918	119.058.918
Số dư tại 31/12/2016	315.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	8.362.304.000	(119.502.488.668)	214.406.277.826
Số dư tại 01/01/2017	315.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	8.362.304.000	(119.502.488.668)	214.406.277.826
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	336.817.983	336.817.983
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	280.921.983	280.921.983
Tăng khác	-	-	-	-	55.896.000	55.896.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	540.000	88.600.000	89.140.000
Lương HĐQT và BKS	-	-	-	-	88.600.000	88.600.000
Giảm khác	-	-	-	540.000	-	540.000
Số dư tại 30/06/2017	315.399.470.000	7.584.000.000	2.562.992.494	8.361.764.000	(119.254.270.685)	214.653.955.809



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư FIDEL	181.000.000.000	181.000.000.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	134.399.470.000	134.399.470.000
Tổng	315.399.470.000	315.399.470.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	315.399.470.000	315.399.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	315.399.470.000	315.399.470.000
Cổ phiếu		
	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.539.947	31.539.947
Cổ phiếu phổ thông	31.539.947	31.539.947
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.18 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	6.200.000.000	5.000.000.000
Doanh thu cơ khí, chuyển nhượng hạ tầng	8.843.892.388	9.008.623.245
Doanh thu xây lắp	-	9.618.579.091
Doanh thu khác	713.566.714	387.272.727
Tổng	15.757.459.102	24.014.475.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hàng bán kinh doanh bất động sản	832.708.839	5.000.000.000
Giá vốn cơ khí, chuyển nhượng hạ tầng	8.876.038.787	2.885.566.926
Giá vốn xây lắp	-	6.962.456.278
Giá vốn hoạt động khác	629.973.768	367.910.000
Tổng	10.338.721.394	15.215.933.204

5.20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.789.947	103.294.323
Tiền lãi ký cược ký quỹ dài hạn	-	417.357.000
Tổng	3.789.947	520.651.323

5.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	213.156.653	160.116.983
Tổng	213.156.653	160.116.983

5.22 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí bán hàng	18.200.000	148.500.000
Chi phí nhân viên	18.200.000	58.500.000
Chi phí khác bằng tiền	-	90.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.807.954.819	7.568.828.623
Chi phí nhân viên quản lý	2.480.315.974	2.066.285.976
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	57.387.389	114.075.394
Chi phí khấu hao	-	181.694.998
Thuế, phí, lệ phí	(73.798.839)	452.864.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.620.793	916.458.850
Chi phí khác bằng tiền	868.429.502	3.837.449.137
Tổng	3.826.154.819	7.717.328.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.23 LỢI NHUẬN KHÁC

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập phí dịch vụ, phí gửi xe tại Chung cư La Khê, Westa	640.811.316	953.112.846
Thu nhập từ hợp đồng cho thuê kho bãi	1.719.757.576	-
Thu nhập khác	73.636.362	97.243.214
Tổng	2.434.205.254	1.050.356.060
Chi phí khác		
Chi phí khác phải trả Nhà nước để bàn giao doanh nghiệp theo Quyết định số 216/QĐ-BXD ngày 10/3/2016	-	2.869.199.790
Chi phí dịch vụ tại Chung cư La Khê, Westa	736.001.103	1.719.664.488
Giảm chi phí khác tiền phạt thuế theo thông báo số 29614/TB-CT ngày 17/3/2016	-	(3.089.699.098)
Giá trị còn lại của TSCĐ và vật tư	2.566.923.100	-
Chi phí khác	233.575.251	293.030.737
Tổng	3.536.499.454	1.792.195.917
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.102.294.200)	(741.839.857)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	446.356.000	466.234.785
Tổng		446.356.000	466.234.785

Số dư các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư FIDEL	Công ty góp vốn	Trả trước cho người bán	4.800.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét với ý kiến chấp nhận toàn phần và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập



Đinh Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Bình

Tổng Giám đốc



Đỗ Quang Khuê